

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3602/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán
xây dựng công trình xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Lò
thuộc huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 21/7/2011, số 1892/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Lò thuộc huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của UBND huyện Quan Sơn tại Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 06/8/2019 (kèm theo hồ sơ) và Công văn số 3182/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 21/8/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Lò thuộc huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Lò thuộc huyện Quan Sơn, tỉnh

Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

1. Thông tin chung về công trình và lý do điều chỉnh:

Công trình xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Lò thuộc huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa được Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn phê duyệt, điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán tại các Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 26/12/2014, số 2874/QĐ-UBND ngày 21/12/2015, với tổng dự toán là 65.596,3 triệu đồng, nội dung đầu tư xây dựng 4 đoạn kè chống sạt lở bờ sông Lò trên địa bàn huyện Quan Sơn, có tổng chiều dài 2,237 km. Tính đến ngày 31/12/2016, chủ đầu tư đã tổ chức thi công hoàn thành 3 đoạn kè gồm: đoạn số 1 (bờ tả sông Lò thuộc khu vực sau trường PTTTH và trường dân tộc nội trú); đoạn số 3 (bờ tả sông Lò thuộc khu vực sau cụm 13 Quân Báo); đoạn số 4 (bờ hữu sông Lò thuộc cụm dân cư bản Ngảm, xã Trung Thượng); riêng đoạn số 2 (bờ hữu sông Lò thuộc Trung tâm giáo dục thường xuyên) chưa triển khai thi công.

Trong những năm gần đây, do biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, thường xuyên xảy ra mưa, lũ kéo dài làm cho địa hình đoạn bờ hữu sông Lò thuộc khu vực Trung tâm giáo dục thường xuyên (dự kiến xây dựng đoạn kè số 2) có nhiều thay đổi; đặc biệt từ ngày 28-31/8/2018 do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, trên địa bàn huyện Quan Sơn đã có mưa to, đến rất to, tổng lượng mưa đo được cả đợt phổ biến trên 350 mm, mực nước trên sông Lò đạt báo động III đã làm nhiều đoạn mái bờ sông bị sạt trượt dốc đứng (hệ số mái bờ sông $m = 0,25 \div 0,5$). Để đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân sinh sống dọc bờ sông Lò, phát huy hiệu quả đầu tư, việc điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (đoạn kè số 2) là cần thiết và phù hợp với nội dung điều chỉnh dự án tại Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán điều chỉnh: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng VinaSean.

3. Nội dung điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công: Đoạn kè số 2 (bờ hữu sông Lò thuộc khu vực Trung tâm giáo dục thường xuyên).

3.1. Quy mô đầu tư:

- Cấp công trình: Cấp IV.
- Tần suất mực nước kiệt thiết kế kè: $P = 95\%$.
- Hệ số ổn định cho phép: $[K] \geq 1,2$.

3.2. Các chỉ tiêu thiết kế chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Trị số
1	Chiều dài tuyến kè thiết kế	m	710
2	Cao trình đỉnh kè thiết kế	m	(+128.50)
3	Cao trình đỉnh lăng thể tựa	m	(+124.10 ÷ +125.00)
4	Chiều rộng đỉnh cơ đá chân kè	m	(4 ÷ 6,5)
5	Hệ số mái kè		2
6	Hệ số mái chân kè		2

3.3. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

a) Tuyến kè:

- Về hướng tuyến: Theo hướng tuyến bờ sông hiện tại, vị trí điểm đầu thiết kế tại K0+00; điểm cuối tại K0+767,79 bờ hữu sông Lò thuộc thị trấn Quan Sơn, huyện Quan Sơn, nắn chỉnh cục bộ một số vị trí trên tuyến đảm bảo trơn thuận.

- Chân kè: Dạng lăng thể tựa bằng đá học, mặt lăng thể tựa bằng rọ đá, kích thước rọ đá (2x1x0,5) m. Khóa đỉnh đá lát bằng đầm bê tông cốt thép (BTCT) M250, dọc theo chiều dài đầm khoá cứ 11,8 m bố trí 1 khe lún chèn hai lớp giấy dầu tấm nhựa đường.

- Mái kè: Được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250, kích thước (40x40x20) cm trong hệ khung đầm bằng BTCT M250 được tạo bởi các đầm dọc và ngang mái kè; bên dưới cấu kiện bê tông đúc sẵn là lớp đá dăm (1x2) cm dày 10 cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật ART-15 hoặc tương đương. Riêng đoạn từ K0+K0+100,16: mái bờ sông từ cao trình (+127.10) m trở xuống đến chân kè được gia cố bằng tường bằng BTCT M250, đỉnh tường bố trí cơ, mặt cơ được gia cố bằng đá lát khan dày 30 cm, bên dưới là lớp đá dăm (1x2) cm dày 10 cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật ART-15 hoặc tương đương. Dọc theo chiều dài tường cứ 11,8 m bố trí 1 khớp nối đặt bằng cản nước PVC, chân tường bố trí thiết bị thoát nước.

- Đỉnh kè: Khóa đỉnh kè bằng đầm BTCT M250, dọc theo chiều dài đầm cứ 11,8 m bố trí 1 khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường, phía trên đỉnh kè phần bạt mái được trồng cỏ chống xói lở, riêng đoạn từ K0+455,99÷K0+767,79 được gia cố bằng cấu kiện lục lăng bằng bê tông thường (BTT) M200 phía trong cấu kiện lục lăng được trồng cỏ. Đoạn từ K0+568÷K0+767,79 đỉnh kè bố trí đường thi công kết hợp quản lý vận hành, mặt đường bằng BTT M250 dày 20 cm, móng đường bằng cấp phối đá dăm loại 2 dày 20 cm.

b) Công trình trên tuyến:

- Bậc nước tại K0+116,71: Tại vị trí K0+116,71 có cống cũ còn tốt, giữ nguyên hiện trạng cống; thoát nước sau cống bố trí dạng bậc nước bằng BTT M200.

- Đường thi công tại K0+366,81: Điểm đầu tại vị trí đường nhựa, điểm cuối tại K0+366,81 của tuyến kè; nền đường bằng đất đắp đầm lèn chặt đảm bảo $K \geq 0,95$ (tận dụng đất đào bạt tuyến kè); mặt đường được gia cố bằng cấp phối đá dăm loại 2 lu lèn chặt dày 20 cm.

- Cống thoát nước tại cọc C38A: Cống tròn khẩu độ $\Phi 600$ mm bằng ống bê tông ly tâm đặt trên đế móng bằng BTT M200.

4. Dự toán điều chỉnh: 68.000,0 triệu đồng (*Sáu mươi tám tỷ đồng*); trong đó:

- Chi phí xây dựng:	56.347,2	triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	961,8	triệu đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	6.330,3	triệu đồng;

- Chi phí khác:	1.797,8	triệu đồng;
- Chi phí bồi thường GPMB:	2.311,3	triệu đồng;
- Chi phí dự phòng:	251,6	triệu đồng;

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

5. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo các Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 26/12/2014, số 2874/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư (UBND huyện Quan Sơn) chịu trách nhiệm toàn diện trong tổ chức, quản lý, thực hiện đầu tư xây dựng công trình, tổ chức nghiệm thu khối lượng theo thực tế và thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình được duyệt; thanh quyết toán công trình theo đúng quy định hiện hành.

- Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, yêu cầu UBND huyện Quan Sơn có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo kết quả thẩm định số 3182/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 21/8/2019.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

Công trình: Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Lò thuộc huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: 3602 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Dự toán theo QĐ số 2874/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn	Giá trị điều chỉnh	Dự toán điều chỉnh
I	Chi phí xây dựng		54.986,7	1.360,5	56.347,2
1	Đoạn số 1: Bờ tả sông Lò thuộc khu vực sau trường PTTH và trường dân tộc nội trú		16.593,037		16.593,037
2	Đoạn số 2: Bờ hữu sông Lò thuộc Trung tâm giáo dục thường xuyên		14.520,061	1.502,597	16.022,658
3	Đoạn 3:		8.881,070		8.881,070
	<i>Tuyến 1: Sau cụm 13 Quân Báo</i>		5.600,449		5.600,449
	<i>Tuyến 2: Sau chợ thị trấn Quan Sơn</i>		3.280,621		3.280,621
4	Đoạn 4: Bản Ngâm, xã Trung Thượng		14.138,905		14.138,905
5	Đường công vụ		359,570		359,570
6	Lán trại tạm phục vụ thi công xây dựng		494,073	-142,128	351,945
II	Chi phí quản lý dự án		944,3	17,5	961,8
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		5.677,4	652,9	6.330,3
1	Chi phí khảo sát lập dự án		1.742,000		1.742,000
2	Chi phí lập dự án		257,000		257,000
3	Chi phí lập hồ sơ điều chỉnh (dự án đầu tư + khảo sát)	HD số 10/2019/HD-KSKT ngày 11/3/2019		350,000	350,000
4	Chi phí khảo sát bước lập thiết kế bản vẽ thi công		781,216		781,216
5	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán		1.059,649		1.059,649
6	Chi phí khảo sát, lập điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	Phụ lục HD số 98C/2019/HĐ-TVXD ngày 03/7/2019		280,000	280,000

TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Dự toán theo QĐ số 2874/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn	Giá trị điều chỉnh	Dự toán điều chỉnh
7	Lệ phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công		57,598		57,598
8	Lệ phí thẩm tra dự toán		54,928		54,928
9	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp		70,629		70,629
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng		939,164	22,910	962,074
11	Chi phí giám sát, đánh giá dự án		165,193		165,193
12	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường		550,000		550,000
IV	Chi phí khác		1.278,0	519,8	1.797,8
1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư		9,441		9,441
2	Lệ phí thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư	QĐ số 1892/QĐ-UBND ngày 20/5/2019		0,299	0,299
3	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu		4,905		4,905
4	Chi phí kiểm toán độc lập		232,510	-232,510	
5	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán		76,035	222,485	298,520
6	Chi phí bảo hiểm công trình		243,026	14,149	257,175
7	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ		712,094		712,094
8	Chi phí hạng mục chung			480,680	480,680
9	Chi phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công			17,625	17,625
10	Chi phí thẩm định dự toán			17,042	17,042
V	Chi phí bồi thường GPMB		2.311,3		2.311,3
VI	Chi phí dự phòng		398,6	-147,0	251,6
	Tổng cộng		65.596,3	2.403,7	68.000,0